TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40/2018/QĐST-DS	*Bạc Liêu, ngày 08 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 623; Điều 650; Điều 651; Điều 660 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 113/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Lâm Mỹ N** - sinh năm 1962

Địa chỉ: Số 170/9, đường H, Khóm S, Phường B, thành phố B, tỉnh B.

* Đồng bị đơn: Bà **Trần Lệ K** – sinh năm 1938

Bà **Lâm Mỹ H** – sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Số 170/9, đường H, Khóm S, Phường B, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Lệ K: Bà Lâm Mỹ H – sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 170/9, đường H, Khóm S, Phường B, thành phố B, tỉnh B. Theo giấy ủy quyền lập ngày 20/7/2018.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Lâm Ngọc A** - sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 414/5, khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh B.

- Bà **Lâm Mỹ P** – sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 149/4, Khóm H, Phường B, thành phố B, tỉnh B.

- Bà **Lâm Mỹ V** – sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 80/4, đường T, Khóm H, Phường B, thành phố B, tỉnh B.

- Ông **Lâm Văn M** – sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 07, đường B, Khóm B, Phường H, thành phố B, tỉnh B.

- Ông **Lâm Văn T** – sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 170/9, đường H, Khóm S, Phường B, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Ngọc A, bà Lâm Mỹ V, ông Lâm Văn M, ông Lâm Văn T: Bà Lâm Mỹ N - sinh năm 1962

Địa chỉ: Số 170/9, đường H, Khóm S, Phường B, thành phố B, tỉnh B. Theo giấy ủy quyền lập ngày 13/6/2018.

- Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1962

- Anh **Phạm Tấn P**, sinh năm 1987

- Chị **Nguyễn Ái L**, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Số 170/9, đường H, Khóm S, Phường B, thành phố B, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lâm T, sinh năm 1939, chết ngày 03/02/2007. Ngày 05/6/2018 bà Lâm Mỹ N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là còn thời hiệu khởi kiện.

2.2. Ông Lâm T chết không để lại di chúc, di sản được chia theo pháp luật.

2.3. Người thừa kế theo pháp luật của ông Lâm T: Bà Trần Lệ K, bà Lâm Ngọc A, bà Lâm Mỹ P, bà Lâm Mỹ N, bà Lâm Mỹ V, ông Lâm Văn M, ông Lâm Văn T, bà Lâm Mỹ H.

2.4. Quyền sử dụng đất diện tích 62,7m^2, thửa 246, tờ bản đồ số 51, địa chỉ thửa đất tại đường H, Khóm S, Phường B, thành phố B, tỉnh B, đã được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Lệ K và ông Lâm T ngày 08/11/2007 là tài sản chung của ông Lâm T và bà Trần Lệ K.

Trên đất có căn nhà xây hết diện tích đất, gồm hai phần:

- Nhà phía trước: Nhà loại II1b1 gồm 02 tầng. Kết cấu móng cột đà, sàn bê tông cốt thép, mái lợp tol, tường xây gạch, sơn và ốp gạch 1,2m, nền lát gạch Ceramic. Diện tích tầng trệt 39,6m^2, tổng diện tích là 79,2m^2. Xây dựng năm 2017.

- Nhà phía sau: Nhà loại II1b1 gồm 02 tầng. Kết cấu móng cột đà, sàn bê tông cốt thép, mái lợp tol, tường xây gạch, sơn và ốp gạch 1,2m, nền lát gạch Ceramic. Diện tích tầng trệt 23,1m^2, tổng diện tích là 46,2m^2. Xây dựng năm 2006.

2.5. Di sản của ông Lâm T để lại là ½ quyền sử dụng đất thửa 246, tờ bản đồ số 51, địa chỉ thửa đất tại đường H, Khóm S, Phường B, thành phố B, tỉnh B, đã được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Lệ K và ông Lâm T ngày 08/11/2007. Diện tích là 31,35m^2, thành tiền là 1.003.983.750 đồng.

2.6. Bà Trần Lệ K, bà Lâm Mỹ N, bà Lâm Mỹ P, bà Lâm Mỹ V, bà Lâm Ngọc A, bà Lâm Mỹ H, ông Lâm Văn M, ông Lâm Văn T mỗi người được nhận một phần bằng nhau di sản ông Lâm T để lại là quyền sử dụng đất diện tích 3,91875m^2, thành tiền là 125.497.968 đồng.

2.7. Đối với phần di sản bà Lâm Mỹ P được nhận thừa kế theo quy định pháp luật, bà P đồng ý tặng cho bà Trần Lệ K.

2.8. Bà Lâm Mỹ N, bà Lâm Mỹ V, bà Lâm Ngọc A, bà Lâm Mỹ H, ông Lâm Văn M, ông Lâm Văn T nhận giá trị, bà Trần Lệ K nhận quyền sử dụng đất.

2.9 Giao cho bà Trần Lệ K toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 62,7m^2, thửa đất số 246, tờ bản đồ số 51, địa chỉ thửa đất tại đường H, Khóm S, Phường B, thành phố B, tỉnh B, đã được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Lệ K và ông Lâm T ngày 08/11/2007 và toàn bộ căn nhà xây dựng trên đất.

Phần đất có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 221 của ông Chung Xuân K có số đo là 12,20m + 7m.

Hướng Tây giáp đất thửa 245 của ông Lâm B có số đo 19,20m.

Hướng Nam giáp đường H có số đo 3,25m.

Hướng Bắc giáp thửa đất số 222 của ông Lâm B có số đo 3,30m.

Bà Trần Lệ K được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai về người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2.10. Bà Trần Lệ K có trách nhiệm giao cho bà Lâm Mỹ N, bà Lâm Mỹ V, bà Lâm Ngọc A, bà Lâm Mỹ H, ông Lâm Văn M, ông Lâm Văn T số tiền tương ứng với phần di sản mà mỗi người được nhận là 125.497.968 đồng.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành quyết định xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.11. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; định giá tài sản; sao lục hồ sơ là 930.000 đồng. Bà Lâm Mỹ N phải chịu. Bà N đã nộp và chi xong.

2.12. Về án phí: Bà Lâm Mỹ N phải chịu án phí là 3.137.449 đồng. Bà N đã nộp 4.375.000 đồng tại biên lai thu số 0008286 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được khấu trừ tiền án phí, bà N được hoàn lại số tiền 1.237.551 đồng.

Bà Lâm Mỹ V, bà Lâm Ngọc A, bà Lâm Mỹ H, ông Lâm Văn M, ông Lâm Văn T, mỗi người phải chịu án phí là 3.137.449 đồng.

Bà Trần Lệ K phải chịu án phí là 6.274.898 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Hồng Lam